



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 28991.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - DỪA - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 23/10/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Salmonella spp.	AOAC 967.27 (d)	Không phát hiện/25 g	24/10/2023
2	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (d)	< 10 CFU/g	24/10/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 023713/VYTCC ban hành ngày 01/11/2023 về việc thay đổi Tên mẫu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ...**30-01-2024**...
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN


Ts. Hoàng Hoài Phương

Số: 002596 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 28993.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - DỪA - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 23/10/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	31/10/2023
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	31/10/2023
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	31/10/2023
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	31/10/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 023715/VYTCC ban hành ngày 01/11/2023 về việc thay đổi Tên mẫu

30-01-2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Hoàng Hoài Phương

Số: 002595/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 28992.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - DỪA - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 23/10/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	26/10/2023
2	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/kg	27/10/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 023714/VYTCC ban hành ngày 01/11/2023 về việc thay đổi Tên mẫu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30-01-2024**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Hoàng Hoài Phương



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 28994.23

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - DỪA - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 23/10/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	31/10/2023
2	Diminazene	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 25 µg/kg	25/10/2023
3	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	26/10/2023
4	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	26/10/2023
5	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	26/10/2023
6	Sulfamethazine (Sulfadimidine)	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/10/2023
7	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	25/10/2023
8	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	25/10/2023

Mã số mẫu: 28994.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
9	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/10/2023
10	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	25/10/2023
11	Procaine benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	25/10/2023
12	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/10/2023
13	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/10/2023
14	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/10/2023
15	Colistin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 10 µg/kg	25/10/2023
16	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 10 µg/kg	25/10/2023
17	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,014 µg/kg	25/10/2023
18	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	31/10/2023
19	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	31/10/2023
20	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	31/10/2023
21	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	31/10/2023
22	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	31/10/2023
23	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,5 µg/kg	27/10/2023
24	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
25	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
26	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	27/10/2023
27	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
28	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
29	Febantel	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
30	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
31	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
32	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
33	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
34	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	27/10/2023
35	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	31/10/2023
36	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	31/10/2023
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	31/10/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 023716/VYTCC ban hành ngày 01/11/2023 về việc điều chỉnh tên mẫu.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30-01-2024**

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 002593 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 28990.23

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - DỪA - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 23/10/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Bromide ion	HD.PP.182/TT.SK	Không phát hiện LOD = 10 mg/kg	31/10/2023
2	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
3	Dithiocarbamate	HD.PP.168/TT.SK (GC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	30/10/2023
4	Diquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	26/10/2023
5	Paraquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/10/2023
6	Glufosinate-ammonium	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	31/10/2023
7	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	31/10/2023
8	Bromopropylate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
9	Captan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
10	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	31/10/2023
11	Chlorpyrifos-ethyl (Chlorpyrifos)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
12	Chlorpyrifos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023

Mã số mẫu: 28990.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Cyhalothrin (bao gồm Lambda-Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
14	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
15	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	31/10/2023
16	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
17	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
18	Dichlofluanid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
19	Endosulfan (Endosulfan I, Endosulfan II, Endosulfan sulfate)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	31/10/2023
20	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
21	Folpet	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
22	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	31/10/2023
23	Imazalil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
24	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
25	Malathion	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
26	Methyl bromide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	30/10/2023
27	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	31/10/2023
28	Spirodiclofen	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	31/10/2023
29	2,4-D (Dichlorophenoxyacetic acid)	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
30	Abamectin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	27/10/2023
31	Acetamiprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
32	Azoxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
33	Bifenazate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
34	Boscalid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	27/10/2023
35	Buprofezin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
36	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	27/10/2023
37	Carbendazim	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
38	Chlorantraniliprole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005 mg/kg	27/10/2023

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
39	Chlorothalonil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,021 mg/kg	27/10/2023
40	Clofentezine	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	27/10/2023
41	Clothianidin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005 mg/kg	27/10/2023
42	Cycloxydime	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005 mg/kg	27/10/2023
43	Cyflumetofen	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
44	Difenoconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	27/10/2023
45	Diflubenzuron	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
46	Dimethomorph	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
47	Dinocap	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	27/10/2023
48	Emamectin benzoate	HD.PP.134/TT.SK:2022	Không phát hiện LOD = 0,00045 mg/kg	27/10/2023
49	Ethoprophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
50	Etoxazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
51	Fenamidone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
52	Fenarimol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005 mg/kg	27/10/2023
53	Fenbuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
54	Fenbutatin oxide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,015 mg/kg	27/10/2023
55	Fenhexamid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	27/10/2023
56	Fenpyroximate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	27/10/2023
57	Flubendiamide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
58	Fludioxonil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
59	Fluopyram	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	27/10/2023
60	Hexythiazox	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	27/10/2023
61	Imidacloprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	27/10/2023
62	Iprodione	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	27/10/2023
63	Meptyldinocap	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/kg	27/10/2023
64	Metalaxyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	27/10/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
65	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
66	Methiocarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
67	Methoxyfenozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
68	Metrafenone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
69	Myclobutanil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
70	Novaluron	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	27/10/2023
71	Penconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
72	Penthiopyrad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	27/10/2023
73	Phosmet	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
74	Pyraclostrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
75	Pyrethrin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,015 mg/kg	27/10/2023
76	Quinoxifen	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
77	Saflufenacil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
78	Spinetoram	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
79	Spinosad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	31/10/2023
80	Spirotetramate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	27/10/2023
81	Sulfoxaflor	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	27/10/2023
82	Tebuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
83	Thiacloprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
84	Thiamethoxam	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
85	Tolyfluanid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
86	Triadimefon	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
87	Triadimenol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	27/10/2023
88	Trifloxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	27/10/2023

Mã số mẫu: 28990.23

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 023712/VYTCC ban hành ngày 01/11/2023 về việc điều chỉnh tên mẫu.



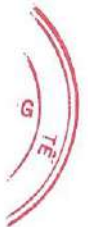
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30-01-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00141370
Mã số kết quả : AR-23-VD-145471-02-VI / EUVNHC-00239801



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập : V-K-23
Tên mẫu : Kem mịn Dâu-Dừa-Sôcôla -Vinamilk
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp nhựa
Ngày nhận mẫu : 01/11/2023
Thời gian thử nghiệm : 01/11/2023 - 04/11/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 06/11/2023
Mã số PO của khách hàng : N6IK231101128

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDFU0 VD (a) Hydrogen phosphide (PH ₃)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5205	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VDMPI VD Sulfuryl fluoride	mg/ kg	AOAC 975.08 Mod	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 22/01/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 22/01/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tại www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-23-VD-145471-01/743-2023-00141370, xuất ngày 08/11/2023; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)